

KHUNG MA TRẬN

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá						Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Phân số	Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số	5 (1,25đ)		1 (0,25đ)			1 (1,75đ)	32,5%
		Các phép tính với phân số			1 (0,25đ)	1 (0,75đ)	1 (0,25đ)		12,5%
2	Số thập phân	Số thập phân và các phép tính với số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm	4 (1,0đ)		1 (0,5đ)	2 (1,25đ)	1 (0,5đ)		32,5%
3	Những hình học cơ bản	Điểm, đường thẳng, tia	3 (0,75đ)	1 (0,5đ)					12,5%
		Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng.	1 (0,25đ)	1 (0,25đ)				1 (0,5đ)	10%
Tổng (Câu – điểm)			13 (3,25đ)	2 (0,75đ)	3 (1,0đ)	3 (2,0đ)	2 (0,75đ)	2 (2,25đ)	27 (10đ)

Tỉ lệ %	40%	30%	30%	100%
Tỉ lệ chung	70%		30%	100%

KIỂM TRA GIỮA KÌ II - NĂM HỌC 2025-2026

MÔN: TOÁN - LỚP 6

Thời gian: 90 phút (Không kể thời gian phát đề)

BẢNG ĐẶC TẢ

TT	Chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	Phân số	Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số.	* Nhận biết: - Nhận biết được phân số với tử số hoặc mẫu số là số nguyên âm.	1 (TN:1)		
			- Nhận biết được khái niệm hai phân số bằng nhau và nhận biết được quy tắc bằng nhau của hai phân số.	1 (TN:2,11)		
			- Nêu được hai tính chất cơ bản của phân số.			
			- Nhận biết được hỗn số dương.	1 (TN:4)		
			- Nhận biết phân số nghịch đảo của một phân số khác 0	1 (TN:5)		
		Các phép tính với phân số	Thông hiểu: – So sánh được hai phân số cho trước. - Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số.		2 (TN3,6) 1 (TL:B1 a)	

			*Vận dụng: - Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).			
			- Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó.			1(TN:13)
			- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về phân số.			1(TL:B2)
2	Số thập phân	Số thập phân và các phép tính với số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm	* Nhận biết: - Nhận biết được số thập phân âm, số đối của một số thập phân.	4 (TN:7,8,14,15)		
			Thông hiểu: - So sánh được hai số thập phân cho trước. - Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với số thập phân.		1 (TN:17) 2 (TL B1 b,c)	
			- Thực hiện ước lượng và làm tròn số thập phân.			

			*Vận dụng: - Vận dụng các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số thập phân trong tính toán. - Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng - Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (<i>phức hợp, không quen thuộc</i>) gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm.			1 (TN: 18)
3	Những hình học cơ bản	Điểm, đường thẳng, tia	* Nhận biết: - Nhận biết được những quan hệ cơ bản giữa điểm, đường thẳng: điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng; tiên đề về đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt.	2 (TN: 9, 10)		
			- Nhận biết được khái niệm hai đường thẳng cắt nhau, song song.			
			- Nhận biết được khái niệm ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng.	1 (TN: 12)		

			- Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm.			
			- Nhận biết được khái niệm tia, hai tia đối nhau, hai tia trùng nhau.	1(TL:B3a)		
		Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng.	*Nhận biết: Nhận biết được khái niệm đoạn thẳng, độ dài của đoạn thẳng.	1 (TN: 16) 1(TL:B3b)		1(TL:B4)
Tổng				15	6	4
Tỉ lệ %				40%	30%	30%
Tỉ lệ chung				70%		30%

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II - NĂM HỌC 2025-2026

MÔN: TOÁN 6

Thời gian: 90 phút (Không kể thời gian phát đề)

I. TRẮC NGHIỆM: (5,0 điểm)

Phần 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (3,0 điểm)

Chọn chữ cái A, B, C, D đứng trước câu trả lời đúng và ghi vào giấy bài làm.

Câu 1: Trong các cách viết sau đây, cách viết nào cho ta phân số?

- A. $\frac{-22}{39}$. B. $\frac{0,25}{3}$. C. $\frac{5}{0}$. D. $\frac{3}{0,75}$.

Câu 2: Phân số nào sau đây bằng phân số $\frac{-2}{5}$?

- A. $\frac{4}{10}$. B. $\frac{-6}{15}$. C. $\frac{6}{15}$. D. $\frac{-4}{-10}$.

Câu 3: Chọn đáp án đúng?

- A. $\frac{-5}{13} = \frac{7}{13}$. B. $\frac{-5}{13} > \frac{7}{13}$. C. $\frac{-5}{13} < \frac{7}{13}$. D. $\frac{-5}{13} \geq \frac{7}{13}$.

Câu 4: Hỗn số $5\frac{2}{3}$ được viết dưới dạng phân số là

- A. $\frac{17}{3}$. B. $\frac{13}{3}$. C. $\frac{10}{3}$. D. $\frac{52}{3}$.

Câu 5: Phân số nghịch đảo của $\frac{11}{5}$ là

- A. $\frac{11}{5}$. B. $\frac{5}{11}$. C. $\frac{1}{-11}$. D. $\frac{-5}{11}$.

Câu 6: Kết quả phép tính $\frac{25}{14} + \frac{-67}{14}$ là

- A. -3. B. 3. C. $\frac{-4}{9}$. D. $\frac{4}{9}$.

Câu 7: Số nào sau đây là số thập phân âm?

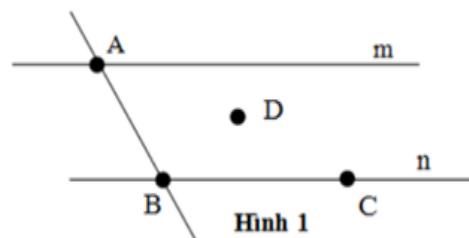
- A. 0,07. B. 1,7. C. $-(-0,07)$. D. -0,07.

Câu 8: Số đối của số thập phân -100,57 là

- A. 100,57. B. $\frac{57}{100}$. C. 57,100. D. $-\frac{10057}{100}$.

Câu 9: Cho hình vẽ bên (Hình 1). Em hãy chọn câu **sai**?

- A. $A \in m$. B. $D \notin n$.
C. $A \in m, A \in n$. D. $A \in m, B \notin m$.



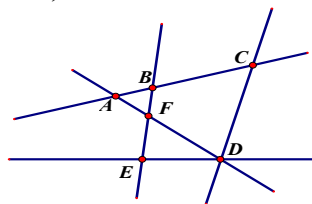
Câu 10: Có bao nhiêu đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt A và B?

- A. 1. B. 2. C. 3. D. Vô số đường thẳng.

Câu 11. Hai phân số $\frac{a}{b}$ và $\frac{c}{d}$ (a, b, c, d là các số nguyên khác 0) gọi là bằng nhau nếu

- A. $a.c = b.d$. B. $a.b = c.d$. C. $a.d = b.c$. D. $a : d = c : b$.

Câu 12: Cho hình vẽ bên dưới (Hình 2). Có bao nhiêu bộ ba điểm thẳng hàng?



Hình 2

- A. 1 bộ. B. 2 bộ. C. 3 bộ. D. 4 bộ.

Phần 2. Câu trắc nghiệm đúng sai: (1,0 điểm)

Trong mỗi câu hỏi ở câu 13, 14, 15, 16 học sinh chọn đúng hoặc sai và viết chữ "Đúng" hoặc "Sai" cho mỗi ý vào bài làm.

Câu 13: 20% của 150 bằng 40.

Câu 14: Hai số đối nhau có tổng bằng 0.

Câu 15: Số 0 là một số thập phân âm.

Câu 16: Đoạn thẳng là hình gồm hai điểm và tất cả các điểm nằm giữa hai điểm đó.

Phần 3. Câu hỏi trắc nghiệm trả lời ngắn: (1,0 điểm)

Trong mỗi câu hỏi ở câu 17, 18, hãy viết câu trả lời/ đáp án vào bài làm mà không cần trình bày lời giải chi tiết.

Câu 17: Nhiệt độ buổi sáng là $-1,25^{\circ}\text{C}$, buổi tối là $-1,3^{\circ}\text{C}$. Thời điểm nào lạnh hơn?

Câu 18: Một chiếc xe đạp có giá 1 200 000 đồng, giảm giá 10%. Hỏi số tiền phải trả là bao nhiêu?

II. TỰ LUẬN (5,0 điểm)

Bài 1: (2,0 điểm).

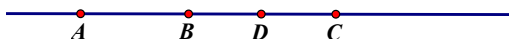
a) Tính: $\frac{3}{4} + \frac{4}{3} - \frac{5}{12}$.

b) Tính: $(-12,07) + (-5,79)$.

c) Tính hợp lí: $(-11,4).3,7 + 11,4.(-6,3) + 12,75 : 0,25$

Bài 2: (1,75 điểm). Một cuốn truyện được Lan đọc hết trong ba ngày. Biết rằng, ngày thứ nhất Lan đọc được $\frac{2}{5}$ số trang của cuốn sách. Ngày thứ hai, Lan đọc được $\frac{7}{15}$ số trang của cuốn sách. Ngày thứ ba, Lan đọc nốt 20 trang còn lại. Hỏi cuốn sách đó có bao nhiêu trang?

Bài 3: (0,75 điểm). Cho hình vẽ:



a) Hãy tìm tia đối với tia BD? Tia trùng với tia BD?

b) Hãy kể tên tất cả các đoạn thẳng có trong hình vẽ trên?

Bài 4. (0,5 điểm) Trên tia Ox, vẽ hai điểm A và B sao cho $OA = 3\text{cm}$, $OB = 6\text{cm}$. Tính độ dài đoạn thẳng AB?

--- Hết ---

KIỂM TRA GIỮA KÌ II - NĂM HỌC 2025-2026

MÔN: TOÁN 6

Thời gian: 90 phút (Không kể thời gian phát đề)

HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM

I. TRẮC NGHIỆM: (5,0 điểm)

Phần 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (3,0 điểm) Mỗi đáp án đúng ghi 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	B	C	A	B	A	D	A	C	A	C	C

Phần 2. Câu trắc nghiệm đúng sai: (1,0 điểm) Mỗi đáp án đúng ghi 0,25 điểm.

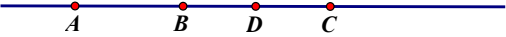
Câu	13	14	15	16
Đáp án	Sai	Đúng	Sai	Đúng

Phần 3. Câu hỏi trắc nghiệm trả lời ngắn: (1,0 điểm) Mỗi đáp án đúng ghi 0,5 điểm.

Câu	17	18
Đáp án	Buổi tối lạnh hơn	1 080 000 đồng

II. TỰ LUẬN: (5,0 điểm)

Bài	Hướng dẫn chấm	Điểm
Bài 1 (2,0 điểm)	a. $\frac{3}{4} + \frac{4}{3} - \frac{5}{12}$.	
	$= \frac{9}{12} + \frac{16}{12} - \frac{5}{12} = \frac{25}{12} - \frac{5}{12} = \frac{20}{12}$	0,5
	$= \frac{5}{3}$	0,25
	b. $(-12,07) + (-5,79) = -(12,07 + 5,79)$ $= -17,86$	0,25 0,25
	c. Tính hợp lí: $(-11,4).3,7 + 11,4.(-6,3) + 12,75 : 0,25$ $= 11,4.(-3,7 - 6,3) + 51$ $= 11,4.(-10) + 51$ $= -63$	0,5 0,25

Bài 2 (1,75 điểm)	Ngày thứ ba Lan đọc được số phần trang của cuốn truyện là: $1 - \frac{2}{5} - \frac{7}{15} = \frac{2}{15}$ Số trang của cuốn truyện là $20 : \frac{2}{15} = 150 \text{ (trang)}$	1,0
		0,75
Bài 3 (0,75 điểm)		
	a. Tia đối với tia BD là tia BA	0,25
	Tia trùng với tia BD là tia BC	0,25
	b. Các đoạn thẳng: AB; AD; AC; BD; BC; DC	0,25
Bài 4 (0,5 điểm)	Hình vẽ: 	0,15
	Vì hai điểm A, B cùng nằm trên tia Ox và $OA < OB$ (3cm < 6cm) nên A nằm giữa O và B.	0,15
	Do đó: $OA + AB = OB$	0,1
	Suy ra $AB = OB - OA = 6 - 3$	0,1
	$= 3 \text{ (cm)}.$	

*** Chú ý:** Học sinh giải cách khác đúng vẫn ghi điểm tối đa.